



shā chǎng

沙场

noun · battlefield

Example Sentences

jiāng jūn zài shā chǎng shàng zhǐ huī shì bīng zuò zhàn

将军在沙场上指挥士兵作战。

The general commanded soldiers on the battlefield.

tā nián qīng shí céng zài shā chǎng shàng lì xià zhàn gōng

他年轻时曾在沙场上立下战功。

He made military achievements on the battlefield when he was young.

Trace each character, then write the word on your own.

沙沙沙沙沙沙沙沙沙沙

场场场场场场场场场场